

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-10-2019

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Vũ

2. Bà Hà Thị Lệ Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm M, sinh năm 1990.

Địa chỉ ấp C, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ ấp V, xã Y, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm M và anh Bùi Văn N (sau đây gọi tắt là chị M, anh N) đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/11/2009. Vợ chồng sống hạnh phúc được

khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh N không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình mà thường bỏ đi chơi nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị M, anh N có 02 người con chung tên Bùi Phương Nghi, sinh ngày 14/8/2009, giới tính nữ, hiện đang sống với chị M và Bùi Trọng Nhân, sinh ngày 10/5/2012, giới tính nam, hiện đang sống với anh N. Vợ chồng ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nghi, còn cháu Nhân giao cho anh N nuôi dưỡng. Tuy nhiên, nếu các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn N vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh N đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu nguyên đơn cung cấp: Đơn xin xác nơi cư trú; Giấy trích lục khai sinh tên Bùi Trọng Nhân và giấy khai sinh tên Bùi Phương Nghi (phô tô); Đơn xác nhận về việc chị M và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Yên, đề ngày 19/4/2019; Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị M và anh N ngày 26/6/2019.

Tài liệu bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh N cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Văn N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh N là hợp pháp.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị M kiên quyết xin ly hôn. Theo đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị M được chính quyền địa phương và UBND xã Thanh Yên xác nhận, trong quá trình chung sống chị M và anh N thường xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2014 đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất cho chị M được ly hôn với anh N.

[3]. Về con chung: Tại phiên tòa, chị M trình bày con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 27/6/2019 cháu Bùi Phương Nghi có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu Bùi Trọng Nhân có nguyện vọng được sống với cha. Nhận thấy, hiện tại cháu Nghi đang sống với mẹ, còn cháu Trọng Nhân đang sống với anh N. Do các cháu đã thích nghi và quen với môi trường sống hiện tại nên vẫn muốn được chung sống với người đang trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đó, HĐXX thống nhất giao cháu Nghi cho chị M nuôi dưỡng, giao cháu Trọng Nhân cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng; chị M và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về chia tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000901 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm M và anh Bùi Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Phương Nghi, sinh ngày 14/8/2009, giới tính nữ cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Bùi Trọng Nhân, sinh ngày 10/5/2012, giới tính nam cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M, anh N có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Diễm M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000901 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh